

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 05/3/2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THANH HOÁ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thư

Ông Phạm Ngọc Dung

- *Thư ký phiên toà:* Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thanh Hóa tham gia phiên toà:* Bà Dương Thị Hiền - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 7 – Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2026/QĐST – HNGĐ ngày 05/02/2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị T - sinh ngày: 16/02/1989

Số CCCD: 038189xxxxxx

Nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

- **Bị đơn:** Anh Trịnh Thành L - sinh ngày: 17/11/1989

Số CCCD: 038089xxxxxx

Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Thôn P, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà vắng mặt chị T và anh L (chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/8/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Trịnh Thành L kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa) vào ngày 10/7/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L có quan hệ ngoại tình, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2025 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh Trịnh Thành L.

Về con chung: Chị Phạm Thị T và anh Trịnh Thành L có 02 con chung là Trịnh Công L1 - sinh ngày: 04/02/2013 (giới tính: Nam) và Trịnh Thị Trúc L2 - sinh ngày: 06/7/2015 (giới tính: Nữ). Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu L1 và cháu L2 ở cùng với chị T, do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Chị T không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản, công nợ chung: Chị Phạm Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Trịnh Thành L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt không có lý do, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo nên Tòa án không thu thập được nguyện vọng của anh Trịnh Thành L.

Tại Biên bản xác minh ngày 13/11/2025, chính quyền địa phương xã T, tỉnh Thanh Hóa nơi chị T, anh L3 có đăng ký hộ khẩu thường trú cho biết: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1989 và anh Trịnh Thành L, sinh năm 1989 đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã T, tỉnh Thanh Hóa có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V (nay là xã T), tỉnh Thanh Hóa vào ngày 10/7/2012. Sau khi kết hôn chị T về nhà anh L sinh sống cùng với anh L và bố chồng. Từ tháng 6/2025 chị T mang theo con nhỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa ở và từ đó vợ chồng sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hoà hợp. Về con chung: Chị Phạm Thị T và anh Trịnh Thành L có 02 con chung tên là: Trịnh Công L1, sinh ngày: 04/02/2013 và Trịnh Thị Trúc L2, sinh ngày: 06/7/2015. Từ khi vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay cháu L1 và cháu L2 ở cùng với chị T tại thôn T, xã T. Anh L có qua lại thăm non, chăm sóc, nuôi dưỡng con hay không chính quyền địa phương không nắm được. Về điều kiện kinh tế: Chị Phạm Thị T làm công nhân tại công ty M, công việc và thu nhập ổn định nhưng mức thu nhập cụ thể như thế nào chính quyền địa phương không nắm được. Anh Trịnh Thành L hiện nay đã đi làm ăn xa, thi thoảng mới trở về địa phương do đó chính quyền địa phương không nắm được anh L hiện nay đang làm công việc gì và thu nhập bao nhiêu. Chị T và anh L không có nhà đất tại xã T. Về đạo đức, lối sống: Quá trình sinh sống tại địa phương xã T chị T và anh L có đạo đức tốt, chấp hành tốt các quy định của nơi cư trú, không vi phạm pháp luật.

Tại phiên tòa chị Phạm Thị T vắng mặt, nhưng tại đơn xin xét xử vắng mặt chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thanh Hoá phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình và tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ cũng như tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị T, xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Trịnh Thành L.

Giao cả 02 con chung là cháu Trịnh Công L1, sinh ngày: 04/02/2013 và Trịnh Thị Trúc L2, sinh ngày: 06/7/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị T vì chị T không yêu cầu.

-Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị T có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh Trịnh Thành L có hộ khẩu thường trú tại xã T, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa.

Anh Trịnh Thành L đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng đã vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Các thủ tục đã được tiến hành đảm bảo theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự chứng tỏ anh L cố tình trốn tránh. Chị Phạm Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh L không có mặt theo quyết định của Tòa án. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T, anh L là đúng theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Trịnh Thành L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V nay là UBND xã T vào ngày 10/7/2012. Xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị T và anh Trịnh Thành L là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất từ 6/2025 khi chị T mang theo con về nhà bố mẹ đẻ để ở, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị T xét thấy đến nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L không còn nữa nên đề nghị được giải quyết ly hôn với anh L. Quá trình giải quyết vụ án anh L đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc để tham gia các phiên

hòa giải, điều đó thể hiện anh L không quan tâm đến việc Tòa án đang giải quyết vụ án, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa chị Phạm Thị T và anh Trịnh Thành L đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Trịnh Thành L là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị Phạm Thị T và anh Trịnh Thành L có 02 con chung tên là Trịnh Công L1 - sinh ngày: 04/02/2013 (giới tính: Nam) và Trịnh Thị Trúc L2 - sinh ngày: 06/7/2015 (giới tính: Nữ). Từ khi vợ chồng sống ly thân cả hai con đều ở cùng với chị T, do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Chị T không yêu cầu anh L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị vì chị đủ điều kiện để nuôi dưỡng các con tốt. Tại biên bản lấy ý kiến ngày 27/11/2025 cả cháu L1 và cháu L2 đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ là chị T đồng thời cũng có nguyện vọng cùng nhau chung sống với mẹ.

Xét điều kiện, hoàn cảnh để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt và phát triển cho con, thấy rằng: Chị T có công ăn việc làm, có thu nhập ổn định. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cả hai con ở cùng với chị T, được chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, cuộc sống sinh hoạt và học tập của các con đang ổn định. Các con phát triển tốt về thể chất cũng như tinh thần, các con đều có nguyện vọng ở cùng mẹ là chị T. Anh L hiện nay đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà. Nguyện vọng của chị T và các con là hoàn toàn chính đáng. Để không làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt, không gây ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển bình thường của con về mọi mặt và đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho con. Do đó, giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con là Trịnh Công L1 và Trịnh Thị Trúc L2 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác là phù hợp. Anh L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị T vì chị T không yêu cầu là có căn cứ, phù hợp với quy định tại điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh Trịnh Thành L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Không lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điều 82 và điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản và công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Trịnh Thành L.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Trịnh Công L1 - sinh ngày: 04/02/2013 và Trịnh Thị Trúc L2 - sinh ngày: 06/7/2015 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

2.2. Anh Trịnh Thành L không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

2.3. Anh Trịnh Thành L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Không lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điều 82 và điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tạm ứng án phí tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá, theo biên lai số 0002694 ngày 06/11/2025. Chị Phạm Thị T đã nộp đủ tiền án phí HNGĐ sơ thẩm.

Anh Trịnh Thành L không phải nộp tiền án phí HNGĐ sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Phạm Thị T và anh Trịnh Thành L. Chị T và anh L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 7;
- UBND xã T;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Lê Thị Hương Giang